

Số: 137/CV-A7

Gia Lai, ngày 14 tháng 09 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven
- 2. Mã chứng khoán:** DL1
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:** 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 4. Điện thoại:** 02693 829 021 Fax: 02693 829 021
- 5. Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Đình Trạc
- 6. Nội dung thông tin công bố:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2021
 - Báo cáo tài chính riêng lẻ soát xét bán niên 2021
 - Công văn số 136/2021/CV-A7 ngày 13/9/2021 về việc giải trình liên quan Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/9/2021 tại đường dẫn:

⇒ <https://www.a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Số : *136* /2021/CV-A7

Pleiku, ngày *13* tháng *09* năm 2021

“V/v giải trình liên quan đến BCTC
soát xét 6 Tháng đầu năm 2021 đã
được kiểm toán”

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào :

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Soát xét 6 tháng năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tiền thân là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Tái tạo Việt Nam) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 2 năm 2021 đã được công bố;

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 như sau :

I. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ.

STT	Chỉ tiêu	6Tháng đầu Năm 2021		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Sau Kiểm toán	Trước Kiểm toán		
1	Giá vốn hàng bán	5,570,079,926	5,015,125,938	554,953,988	11.07
2	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,835,728,283	3,390,682,271	(554,953,988)	(16.37)
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,428,514,872	14,983,468,860	(554,953,988)	(3.70)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,404,902,437	14,959,856,425	(554,953,988)	(3.71)
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,913,904,655	3,024,895,452	(110,990,797)	(3.67)
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11,490,997,782	11,934,960,973	(443,963,191)	(3.72)

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 554,9 triệu đồng tương ứng 11,07% so với trước kiểm toán do ghi nhận tăng chi phí thuê đất tại công ty sau kiểm toán;

Do nguyên nhân chính trên dẫn đến Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 16,37%; Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 3,71%, chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 3,67% và lợi nhuận sau thuế TNDN giảm sau kiểm toán 443,9 triệu đồng tương ứng 3,72%.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	6Tháng đầu Năm 2021		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Sau Kiểm toán	Trước Kiểm toán		
1	Giá vốn hàng bán	52,658,521,446	52,103,567,458	554,953,988	1.07
2	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,886,450,563	3,441,404,551	(554,953,988)	(16.13)
3	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l. doanh	11,894,778,938	11,657,090,119	237,688,819	2.04
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26,465,928,868	26,783,194,037	(317,265,169)	(1.18)
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26,442,177,086	26,759,442,255	(317,265,169)	(1.19)
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,942,431,667	3,052,533,723	(110,102,056)	(3.61)
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23,499,745,419	23,706,908,532	(207,163,113)	(0.87)
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	23,476,951,679	23,683,226,051	(206,274,372)	(0.87)
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22,793,740	23,682,481	(888,741)	(3.75)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	232	234	(2)	(0.85)
11	Lãi duy giảm trên cổ phiếu	232	234	(2)	(0.85)

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 207 triệu đồng so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 554,9 triệu đồng tương ứng 1,07% so với trước kiểm toán do ghi nhận tăng chi phí thuê đất tại công ty sau kiểm toán dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 554,9 triệu đồng tương ứng 16,13%

-Do nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 1,19%, chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 3,61% và lợi nhuận sau thuế TNDN giảm sau kiểm toán 207 triệu đồng tương ứng 0,87%.

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

STT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		6 Tháng đầu Năm 2021	6 Tháng đầu Năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	8,405,808,209	7,438,520,187	967,288,022	13.00
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	8,405,808,209	7,438,520,187	967,288,022	13.00
4	Giá vốn hàng bán	5,570,079,926	4,982,037,190	588,042,736	11.80
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,835,728,283	2,456,482,997	379,245,286	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13,546,071,120	14,532,293,703	(986,222,583)	(6.79)
7	Chi phí tài chính		608,320,434	(608,320,434)	(100.00)
8	Chi phí bán hàng	562,668,073	393,527,920	169,140,153	42.98
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,390,616,458	(7,211,944,796)	8,602,561,254	(119.28)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,428,514,872	23,198,873,142	(8,770,358,270)	(37.81)
11	Thu nhập khác	-		-	
12	Chi phí khác	23,612,435	12,212,752	11,399,683	93.34
13	Lợi nhuận khác	(23,612,435)	(12,212,752)	(11,399,683)	93.34
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,404,902,437	23,186,660,390	(8,781,757,953)	(37.87)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,913,904,655	4,674,399,856	(1,760,495,201)	(37.66)
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11,490,997,782	18,512,260,534	(7,021,262,752)	(37.93)

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 Tháng đầu năm 2021 giảm :7,021 tỷ đồng, do các nguyên nhân sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, việc kinh doanh ảnh hưởng Covid - 19 lưu lượng khách giảm dẫn đến nguồn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ảnh hưởng , 6 tháng đầu năm 2021 tăng 13% so cùng kỳ năm trước;
- Giá vốn bán hàng trong kỳ tăng 11,8% so với cùng kỳ . Là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khoản tương ứng 379 triệu đồng;.
- Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2021 giảm 986 triệu đồng so cùng kỳ năm trước là do phát sinh lãi các khoản đầu tư giảm so 6 tháng đầu năm 2020 .
- Chi phí tài chính giảm 100% so với cùng kỳ năm trước do Công ty con có lãi không phát sinh chi phí tài chính so với cùng kỳ năm trước .
- Chi phí bán hàng tăng 169 triệu đồng tương ứng 42,98% so với cùng kỳ năm trước;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 119,28% so cùng kỳ năm trước .

- Chi phí khác tăng 11 triệu đồng do phát sinh chi phí tăng so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 8,781 tỷ đồng, thuế TNDN giảm 1,76 tỷ đồng dẫn đến Lợi nhuận sau thuế giảm 7,021 tỷ đồng tương ứng 37,93% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2020.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		6 Tháng đầu Năm 2021	6 Tháng đầu Năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	55,544,972,009	90,779,362,187	(35,234,390,178)	(38.81)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	55,544,972,009	90,779,362,187	(35,234,390,178)	(38.81)
4	Giá vốn hàng bán	52,658,521,446	88,269,400,190	(35,610,878,744)	(40.34)
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,886,450,563	2,509,961,997	376,488,566	15.00
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20,244,457,836	23,421,359,122	(3,176,901,286)	(13.56)
7	Chi phí tài chính	6,468,502,915	8,639,175,126	(2,170,672,211)	(25.13)
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l. doanh	11,894,778,938	24,788,833	11,869,990,105	47,884
9	Chi phí bán hàng	628,700,666	445,319,031	183,381,635	41.18
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,462,554,888	(1,680,517,459)	3,143,072,347	(187.03)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26,465,928,868	18,552,133,254	7,913,795,614	42.66
12	Thu nhập khác	-	-	-	
13	Chi phí khác	23,751,782	12,212,752	11,539,030	94.48
14	Lợi nhuận khác	(23,751,782)	(12,212,752)	(11,539,030)	94.48
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26,442,177,086	18,539,920,502	7,902,256,584	42.62
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,942,431,667	4,674,399,856	(1,731,968,189)	(37.05)
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	121,664,087	(121,664,087)	(100.00)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23,499,745,419	13,743,856,559	9,755,888,860	70.98
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	23,476,951,679	14,799,826,390	8,677,125,289	58.63
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22,793,740	(1,055,969,831)	1,078,763,571	(102.16)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	232	146	86	58.90
22	Lãi duy giảm trên cổ phiếu	232	146	86	58.90

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2021 tăng 9,755 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2020, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2021 giảm 35 tỷ đồng tương ứng giảm 38,81% so với 6 tháng đầu năm 2020. Nguyên nhân chính, từ đầu năm 2021 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tác động trực tiếp đến các hoạt động SXKD của các công ty con cũng như Công ty mẹ dẫn đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm 2020;

- Giá vốn hàng bán giảm nên lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 376 triệu đồng tương ứng 15% so với cùng kỳ năm 2020;

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 13,56% so với 6 tháng đầu năm 2020 do Công ty con giảm các khoản đầu tư trong kỳ;

- Chi phí tài chính giảm 2 tỷ đồng tương ứng 25,13% so với 6 tháng đầu năm 2020 nguyên nhân 6 tháng đầu năm 2021 Công ty con giảm phát sinh chi phí tài chính trong kỳ;

- So với cùng kỳ doanh thu tại Công ty liên kết tăng nên phần lãi trong công ty liên doanh liên kết tăng 11,869 tỷ đồng;

- Chi phí bán hàng tăng 183 triệu đồng tương ứng 41,18% so với cùng kỳ năm 2020;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 ;

- Chi phí khác tăng 11 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020 do Công ty mẹ phát sinh tăng chi phí khác trong kỳ;

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 1,7 tỷ đồng tương ứng 37,05% so với cùng kỳ năm 2020;

- Từ các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 tăng 9,755 tỷ đồng tương ứng 70,98% so với cùng kỳ năm 2020.

III. Giải trình vấn đề nhấn mạnh và vấn đề khác trên báo cáo đã kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021.

Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

-Tại Thuyết minh V.4, Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn với số tiền lần lượt là 180.518.068.975 đồng và 240.902.000.000 đồng, đây là các khoản cho các cá nhân, tổ chức vay không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

- Tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 27 tháng 8 năm 2020 và đưa ra kết luận toàn phần có đoạn nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán này, phát

hành báo cáo ngày 10 tháng 4 năm 2021, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo.

- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

- Tại Thuyết minh V.4, Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn với số tiền lần lượt là 327.394.568.975 đồng và 240.902.000.000 đồng, đây là các khoản cho các cá nhân, tổ chức vay không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba

- Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10/04/2021, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có các vấn đề cần nhấn mạnh các khoản cho cá nhân tổ chức vay không có tài sản đảm bảo. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020, được trình bày cho mục đích so sánh, được soát xét bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo soát xét ngày 27/08/2020, đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần có các vấn đề cần nhấn mạnh các khoản cho cá nhân tổ chức vay không có tài sản đảm bảo.

Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:

Đây là lưu ý của Công ty kiểm toán đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét kiểm toán 6 tháng đầu năm 2021.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

ALPHA SEVEN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC